

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Mở rộng khu du lịch Casa Marina Resort tại phường Ghềnh Ráng, thành phố
Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Du Lịch Casa Marina Resort**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Mở rộng khu du lịch Casa Marina Resort tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 16/12/2019;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Mở rộng khu du lịch Casa Marina Resort đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 15/GT-CMR ngày 20/3/2020 của Công ty TNHH Du Lịch Casa Marina Resort;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 308/TTr-STNMT ngày 24/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM dự án Mở rộng khu du lịch Casa Marina Resort (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Du Lịch Casa Marina Resort thực hiện tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND phường Ghềnh Ráng theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

4. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

5. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

6. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN & MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN & MT;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Ghềnh Ráng;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
MỞ RỘNG KHU DU LỊCH CASA MARINA RESORT
CỦA CÔNG TY TNHH DU LỊCH CASA MARINA RESORT
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày _____/2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- 1.1. Tên dự án: Mở rộng khu du lịch Casa Marina Resort.
- 1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Du Lịch Casa Marina Resort.
- 1.3. Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 1D, khu phố 1, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- 1.4. Phạm vi, quy mô dự án: dự án được đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích 12,0 ha.
- 1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: khu biệt thự nghỉ dưỡng song lập BT1 (diện tích 16.281 m²), khu biệt thự nghỉ dưỡng đơn lập BT2 (diện tích 11.795 m²), khu biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp BT3 (diện tích 3.354,2 m²), khu tiếp đón, nhà hàng, hội nghị (diện tích 5.475,5 m²); hệ thống thu gom, thoát nước thải, nước mưa; hệ thống xử lý nước thải tập trung 300 m³/ngày đêm; hệ thống đường giao thông, cấp điện, cấp nước; diện tích cây xanh 28.836 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Giai đoạn thi công: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải; sạt lở đất đá.
- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình giao thông; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công: nước mưa chảy tràn theo sườn núi cuốn theo đất đá thải; nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình trộn bê tông, rửa nguyên vật liệu, dụng cụ, thiết bị và vệ sinh các phương tiện vận chuyển khoảng 0,5 - 1 m³/ngày; nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 1,8 m³/ngày.
- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và khách du lịch phát sinh khoảng 251,6 m³.

Tính chất: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao; nước thải từ quá trình xây dựng có hàm lượng chất thải rắn lơ lửng cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công:

+ Bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, lưu giữ nguyên vật liệu, đổ đất đá thải.

+ Khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; hoạt động của máy móc thiết bị thi công; khí thải từ quá trình rải nhựa đường, quá trình hàn.

+ Tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào khu du lịch.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường:

- Giai đoạn thi công: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân (chất hữu cơ, vỏ hộp thải, nilon, giấy,...) khoảng 34 kg/ngày; đất thừa phát sinh từ quá trình đào đắp san nền mặt bằng với khối lượng khoảng 228.836 m³.

- Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khách du lịch, cán bộ, nhân viên khoảng 1.312 kg/ngày; bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 8,35 kg/ngày đêm.

- Tính chất: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Giai đoạn thi công: chất thải nguy hại phát sinh gồm các loại vật dụng nhiễm dầu thải, bóng đèn huỳnh quang, dầu mỡ thải, que hàn thải, cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (thùng, bao bì đựng dầu nhớt, sơn, keo, dung môi thải) với khối lượng khoảng 45 kg trong suốt quá trình xây dựng.

- Giai đoạn hoạt động: chất thải nguy hại gồm pin, ắc quy chì thải, dầu nhớt thải, các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giữ lau, bao tay, bao bì thải), bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, các linh kiện điện tử thải với khối lượng phát sinh khoảng 68 kg/năm.

Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a) Nước mưa chảy tràn:

- Giai đoạn thi công: nước mưa có cuốn đất, cát thải và nước thải xây dựng, công ty sẽ tạo 3 hồ lắng tạm tại cuối mương để lắng bùn đất, cát trước khi thoát ra 3 cống phía Tây Bắc, phía Đông và phía Tây Nam trên QL 1D, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Giai đoạn hoạt động: hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải và chảy thoát 2 hướng, cụ thể:

+ Một phần nước mưa chảy tràn được thu gom qua hệ thống hồ thu, chảy theo tuyến mương thoát nước hiện trạng trên đường QL 1D phía Đông dự án chảy qua cống bắc ngang đường D1000 sau đó thoát ra biển.

+ Một phần nước mưa chảy tràn được thu gom qua hệ thống hồ thu, chảy vào vùng trũng hiện trạng trên đường QL 1D phía Bắc dự án qua cống bắc ngang đường D1500 chảy ra suối cạn sau đó thoát ra biển.

b) Nước thải sinh hoạt:

- Giai đoạn thi công: bố trí nhà vệ sinh di động.

- Giai đoạn hoạt động:

Nước thải sinh hoạt và dịch vụ phát sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, bể tách dầu mỡ sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày để xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (hệ số K=1). Nước thải sau xử lý được Công ty tái sử dụng để tưới cây. Vào mùa mưa, nước thải sau khi xử lý sẽ được đầu nối vào hồ ga thoát nước mưa phía Bắc của dự án (tọa độ X:1513873; Y: 605506), sau đó chảy vào vùng trũng hiện trạng trên đường QL 1D phía Bắc dự án qua cống bắc ngang đường D1500 chảy ra suối cạn sau đó thoát ra biển.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải sinh hoạt và dịch vụ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Arotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Bể chứa nước sau xử lý (Đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số K=1).

+ Quy trình vận hành: nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được bơm qua các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế vận hành tự động, thời gian vận hành liên tục 24/24h.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Xung quanh khu vực thi công bố trí hàng rào tôn cao tối thiểu 2m để giảm thiểu bụi.

+ Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày trong phạm vi 500m khu vực xung quanh dự án và cam kết phun bổ sung nếu vẫn còn phát sinh bụi.

+ Phương tiện vận chuyển, chở nguyên vật liệu: phun xịt rửa xe sạch sẽ các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; chở đúng tải trọng cho phép trên từng tuyến đường, có bạt phủ kín không để rơi vãi đất, đá, cát.

+ Quá trình vận chuyển đất, đá thải: chở đúng tải trọng cho phép trên từng tuyến đường, có bạt phủ kín không để rơi vãi đất, đá thải.

+ Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu dọn đất, đá, cát rơi vãi, vệ

sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Giai đoạn hoạt động: thường xuyên vệ sinh sân bãi và đường giao thông nội bộ để giảm thiểu sự phát tán bụi.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- Giai đoạn thi công:

- + CTR sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại những vị trí làm việc và khu nghỉ ngơi ăn uống của công nhân.

- + CTNH: bố trí các thùng chứa chuyên dụng đặt gần khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che) để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

- + Đất thừa: khối lượng đất, đá thừa được đổ thải tại Dự án Khu đô thị Hải Giang Merry Land tại xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn của Công ty CP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn.

- Giai đoạn hoạt động:

- + CTR sinh hoạt: bố trí khoảng 60 thùng đựng rác dọc các tuyến đường nội bộ trong khu du lịch với khoảng cách 30m/thùng và thùng rác 240 l tại khu vực nhà hàng; xây dựng nhà lưu giữ chất thải rắn tập trung có diện tích 30 m².

- + CTNH: Bố trí nhà chứa chất thải nguy hại có mái che, nền xây bằng bê tông cao 10m, diện tích 30 m².

- + Định kỳ hợp đồng với Công ty CP Môi trường đô thị Quy Nhơn để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt với tần suất 3 lần/tuần; ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải với tần suất 3 tháng/ lần và chất thải nguy hại theo đúng tần suất quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, an toàn giao thông:

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị như máy khoan, đào móng, phương tiện vận tải.

- Đặt các biển báo xung quanh khu vực thi công, các tuyến đường gần khu vực triển khai dự án.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

- Sử dụng tường chắn trọng lực bằng bê tông xi măng cao từ 4-8m và bố trí các ống thoát nước và các rọ đá bên ngoài tường chắn để chống sạt lở.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy CO₂, họng chữa cháy, thiết bị báo cháy tự động, ...và thường xuyên kiểm tra, vận hành thử các thiết bị này.

- Thực hiện các quy định về an toàn lao động.

- Xây dựng phương án ứng phó khi ngập lũ, mưa bão.

4. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm.
- Nhà chứa rác tập trung có diện tích 30 m².
- Khu vực chứa chất thải nguy hại có diện tích 30 m².
- Diện tích cây xanh khoảng 28.836 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm.

Quan trắc công trình xử lý nước thải:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất và quan trắc như sau:

+ Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý), với thông số quan trắc là thông số ô nhiễm chính được sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn xử lý.

+ Thông số quan trắc của công trình xử lý nước thải: pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ, Coliforms.

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu suất. Tần suất và thông số quan trắc như sau:

+ Tần suất quan trắc: ít nhất 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

+ Thông số quan trắc: pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ, Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A), K = 1.

5.2. Giám sát giai đoạn vận hành thương mại.

a) Giám sát chất lượng nước thải.

- Vị trí giám sát: 02 điểm của hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm (01 điểm tại bể điều hòa, 01 điểm tại hồ bể chứa nước thải sau xử lý).

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ, Coliforms.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A), K = 1.

b) Giám sát việc thu gom CTR và CTNH: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình và tần suất thu gom; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải nguy hại) theo quy định.